

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TY
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 12/6/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Q với bà L”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-DS ngày 04/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn HL, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

* **Bị đơn:** Bà Vi Thị L, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn LT, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

* **Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 (có mặt)

- Chị Thân Thị L, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn LT, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2019, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 19/10/2018, bà L có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), khi vay có lập giấy biên nhận và bà L có ký tên và có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 25/10/2018, lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng. Ngày 01/11/2019 bà L tiếp tục vay của ông số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), có lập giấy biên nhận, thỏa

thuận về thời hạn trả là ngày 02/11/2019 và lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng. Khi vay tiền thì bà L có nói mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay tiền thì bà L không trả tiền như cam kết nên ông đã đòi bà L nhiều lần nhưng bà L không trả.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L có trách nhiệm trả ông số tiền gốc là 250.000.000 đồng, lãi suất kể từ ngày vay đến ngày xét xử với mức 1%/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Q có mặt và có ý kiến: Về lãi suất ông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 07/01/2020 và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Vi Thị L trình bày:

Ngày 19/10/2018 bà có đưa vợ chồng con trai Nguyễn Văn K, Thân Thị L đến nhà ông Q để hỏi vay số tiền là 150.000.000 đồng mục đích vay để đáo sổ Ngân hàng, do bà đứng tên vay Ngân hàng nên ông Q có yêu cầu bà ký tên vào giấy vay, khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000/ngày, thời hạn trả là ngày 25/10/2018. Sau khi vay tiền thì con trai bà là anh Nguyễn Văn K đã đến nhà ông Q để trả toàn bộ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất trước ngày 25/10/2018 (bà không nhớ ngày trả cụ thể). Khi con bà trả tiền cho ông Q thì ông Q cũng không trả lại giấy biên nhận vay tiền và cũng không viết giấy đã nhận số tiền trên. Tiếp đến ngày 01/11/2019 bà tiếp tục đến nhà ông Q vay số tiền là 100.000.000 đồng để trả tiền cho Ngân hàng, khi đó ông Q không có nhà nên bà L đã cho bà vay số tiền trên, khi vay các bên cũng thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000/ngày, thời hạn trả ghi trong giấy là ngày 02/11/2019, nhưng thực tế các bên có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 05/11/2019. Sau khi vay tiền thì ngày 05/11/2019, con dâu của bà là chị Thân Thị L có đến nhà ông Q trả tiền và vợ ông Q là bà L đã nhận đủ số tiền gốc và lãi suất, khi nhận tiền bà L cũng không trả lại giấy biên nhận và cũng không viết giấy biên nhận đã nhận tiền.

Nay bà xác định đã trả đủ tiền cho ông Q đối với hai lần vay trên nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà không nhất trí trả số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay Vi Thị L có mặt và giữ nguyên ý kiến trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2020 và những lời khai tiếp theo người làm chứng là chị Thân Thị L trình bày:

Chị là con dâu của bà L trong năm 2018 chị có đến nhà chị có đến nhà ông Q để trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất cho khoản vay theo giấy biên nhận vay tiền lập ngày 19/10/2018, giữa bà L với ông Q. Khi chị đến trả tiền thì bà L là người trực tiếp nhận tiền. Sau khi nhận tiền bà L không viết giấy biên nhận nhận tiền và cũng không trả giấy vay cho chị. Tiếp đến, ngày 05/11/2019 chị đã đến nhà ông Q bà L để trả hộ bà L số tiền 100.000.000 đồng gốc và 1.000.000 đồng lãi, theo khoản vay ngày 01/11/2019 của bà L. Bà L là người trực tiếp nhận số tiền trên, khi nhận tiền thì bà L cũng không trả lại giấy vay tiền và cũng không viết giấy biên nhận gì. Việc chị trả tiền trên thì chị trả tại

nhà ông Q, không có ai chứng kiến.

Tại phiên tòa hôm nay chị L có mặt và vẫn giữ nguyên trình bày trên.

Tại biên bản đối chất ngày 02/3/2020 người làm chứng là anh Nguyễn Văn K trình bày: Ngày 19/10/2018 bà L vay tiền của ông Q để đáo sổ tại Ngân hàng. Sau đó khoảng 05 ngày, sau khi đáo sổ tại Ngân hàng thì anh đã đến nhà ông Q để trả số tiền vay trên và lãi suất phát sinh, khi anh trả tiền thì ông Q không lập biên nhận nhận tiền và cũng không trả lại giấy vay cho anh, anh trả tiền tại nhà ông Q và không có ai chứng kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, anh K có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc bà L có trách nhiệm trả ông Q số tiền gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Q và bà L đều trình bày giữa hai bên có lập Giấy vay tiền đề ngày 19/10/2018 và ngày 01/11/2019. Giấy vay tiền thỏa thuận về thời hạn trả. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn tuân theo đúng quy định tại các điều 463 của Bộ luật dân sự, được các bên thỏa thuận tự nguyện giao kết, có hiệu lực thi hành. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng, mặc dù khi lập hợp đồng vay tài sản giữa ông Q với bà L thì ông Q có vợ là bà Vũ Thị Lan, sinh năm 1977. Nhưng ông Q xác định đây là tiền riêng của ông không liên quan đến bà L. Đồng thời, bà L cũng xác định đây là tiền riêng của ông Q, không liên quan đến bà và bà từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án không đưa bà Vũ Thị Lan vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Q đòi bà Vi Thị L số tiền là 250.000.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện thì ông Q có giao nộp 02 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 19/10/2018 và ngày 01/11/2019 do bà L ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L có thừa nhận có vay của ông Q số tiền theo 02 giấy biên nhận trên, nhưng bà cho rằng sau khi vay bà đã trả

đủ cho ông Q cả gốc và lãi của hai lần vay trên, việc trả tiền là do vợ chồng con trai là anh K, chị L trực tiếp trả nên bà L không cung cấp được tài liệu gì chứng minh cho các lần trả tiền cho ông Q. Người làm chứng là chị L đều xác định có trực tiếp trả số tiền trên cho bà L, khi trả không viết giấy biên nhận và không có ai chứng kiến, anh K cũng xác định có trả cho ông Q số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất của khoản vay ngày 19/10/2018 giữa bà L với ông Q, khi trả tiền thì ông Q không viết giấy biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Như vậy, trình bày của anh K với chị L có mâu thuẫn với nhau và anh K, chị L không đưa ra được chứng cứ cũng như người chứng kiến cho việc trả tiền trên. Do đó trình bày của anh K, chị L không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, ý kiến của bà L về việc trả tiền cho ông Q không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Q có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do bà L không có ý thức thanh toán trả cho ông Q số tiền trên, mặc dù ông Q đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nhưng bà L vẫn không thanh toán, nên buộc ông Q phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của ông Q là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L phải thanh toán trả cho ông Q số tiền là 250.000.000 đồng gốc.

Về lãi suất: Trong 02 giấy biên nhận không thể hiện lãi suất, nay ông Q yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, nên cần áp dụng khoản 4 Điều 466; Điều 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, để xác định lãi suất cụ thể:

Từ ngày 26/10/2018 đến ngày 12/6/2020, lãi suất của số tiền 150.000.000 đồng, được tính cụ thể:

- $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 24.319.000 \text{ đồng};$

Từ ngày 03/11/2019 đến ngày 12/6/2020, lãi suất của số tiền 100.000.000 đồng, được tính cụ thể:

- $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng} \times 09 \text{ ngày} = 6.059.000 \text{ đồng};$

Tổng số tiền lãi là: 30.378.000 đồng.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: ông Q yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: $280.378.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.018.000 \text{ đồng}.$

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 5 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Q

1. Buộc bà Vi Thị L phải trả cho ông Nguyễn Tiến Q số tiền 250.000.000 đồng gốc và 30.378.000 đồng lãi tổng số là 280.378.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

2. Về án phí: Bà Vi Thị L phải chịu phải chịu 14.018.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Tiến Q số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006079, ngày 03/12/2019, tịa Chi cục Thi hành án huyện Tân Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy